TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 14/2019/DS-ST Ngày: 08-5-2019. V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Minh Thảo.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ba.

2. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 106/2019/ QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Địa chỉ trụ sở chính: đường H, phường LH, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh: đường HN, phường NT, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vi Văn C, sinh năm 1993.

Địa chỉ: đường NHT, ĐK, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền ngày 15/8/2018).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1975.

Hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã B, huyện LT, tỉnh Đồng Nai

(Anh C có mặt, bà H vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15/8/2018 và các lời khai tại tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP A do ông Vi Văn C đại diện trình bày:

Ngày 08/11/2014, Ngân hàng TMCP A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng A) có ký hợp đồng tín dụng số 20141106-101069-0010 ngày 08/11/2014 với bà Trần Thị Kim H để vay số tiền 35.720.626 đồng, lãi suất theo thỏa thuận là 3.75%/tháng, mục đích để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận bà Trần Thị Kim H phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 65.647.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả góp liên tiếp trong vòng 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.825.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.772.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 13/12/2014 và trả vào ngày 13 hàng tháng, cụ thể số tiền gốc và lãi phải thanh toán được thể hiện theo bảng kế hoạch trả nợ kèm theo hợp đồng tín dụng. Nguyên đơn đã giải ngân cho bà H số tiền vay nêu trên. Khi cho vay hai bên không cầm cố hoặc thế chấp tài sản để đảm bảo thanh toán nợ.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng vay số tiền 35.720.626 đồng, bà H đã trả được cho Ngân hàng 17 lần với tổng số tiền là 32.790.000. Từ ngày 16/3/2017 cho đến nay bà H không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Kim H có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc còn lại là 22.695.025 đồng và tiền lãi là 10.161.975 đồng, tổng cộng 32.857.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán phát sinh kể từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Bà H cho rằng hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị Ngân hàng cho bà được trả góp hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 6/2019, Ngân hàng không đồng ý.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 22/02/2019, bị đơn bà Trần Thị Kim H trình bày:

Ngày 08/11/2014, bà có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP A. Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng đã cấp tín dụng cho bà H với số tiền là 35.720.626 đồng, lãi suất theo thỏa thuận là 3.75%/tháng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận bà có trách nhiệm thanh toán số tiền 65.647.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.825.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.772.000 đồng, thanh toán vào ngày 13 hàng tháng bắt đầu trả từ ngày 13/12/2014. Bà đã nhận đủ số tiền vay 35.720.626 đồng, từ khi vay đến nay bà đã trả cho Ngân hàng nhiều lần tổng cộng số tiền 32.790.000 đồng. Từ ngày 16/3/2017 đến nay do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng. Nay ngân hàng yêu cầu bà trả số tiền nợ gốc là

22.695.025 đồng và tiền lãi là 10.161.975 đồng, tổng cộng: 32.857.000 đồng bà đồng ý. Tuy nhiên vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà xin Ngân hàng cho bà được trả góp hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng và bắt đầu từ tháng 6/2019 cho đến khi hết số nợ nêu trên.

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành*:**

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng là không thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả tiền vay tổng cộng gốc lãi là 32.857.000 đồng và lãi chậm thanh toán phát sinh kể từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị Kim H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Trần Thị Kim H

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Kim H thanh toán số tiền vay theo hợp đồng tín dụng nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và lời khai của các đương sự nên có đủ cơ sở xác định: Ngày 08/11/2014, Ngân hàng A ký hợp đồng tín dụng số 20141106-101069-0010 với Bà Trần Thị Kim H. Nội dung hợp đồng là nguyên đơn cấp tín dụng cho bà H với số tiền là 35.720.626 đồng, lãi suất theo thỏa thuận là 3.75%/tháng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận bà H có trách nhiệm thanh toán số tiền 65.647.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.825.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.772.000 đồng, thanh toán vào ngày 13 hàng tháng, bắt đầu trả từ ngày 13/12/2014, cụ thể số tiền phải thanh toán được thể hiện theo bảng kế hoạch trả nợ kèm theo hợp đồng tín dụng. Nguyên đơn đã giải ngân cho bà H số tiền vay nêu

trên. Khi cho vay hai bên không cầm cố hoặc thế chấp tài sản để đảm bảo thanh toán nợ.

Từ ngày 16/3/2017 cho đến nay bà H không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho nguyên đơn là vi phạm thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng ngày 06/11/2014.

Bà H xác định còn nợ của Ngân hàng A số tiền gốc còn lại là 22.695.025 đồng và tiền lãi là 10.161.975 đồng, tổng cộng: 32.857.000 đồng và đồng ý thanh toán số tiền nêu trên cho nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A , buộc Bà Trần Thị Kim H phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A số tiền gốc, lãi tổng cộng: 32.857.000 đồng.

Bà H đề nghị Ngân hàng cho bà được trả góp hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 6/2019, phía Ngân hàng không đồng ý nên không có cở sở chấp nhận yêu cầu của bà.

[4] Đối với nghĩa vụ chậm thi hành án tiền vay do tổ chức tín dụng cho vay, áp dụng Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ.CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối Cao để tính lãi chậm trả.

Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Trần Thị Kim H phải chịu 1.642.850 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ.CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối Cao.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A đối với bị đơn bà Trần Thị Kim H về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Xử buộc bà Trần Thị Kim H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 32.857.000 đồng (Ba mươi hai triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng). Trong đó, tiền gốc là 22.695.025 đồng (Hai mươi hai triệu sáu

trăm chín mươi lăm nghìn không trăm hai mươi lăm đồng) và tiền lãi là 10.161.975 đồng (Mười triệu một trăm sáu mươi mốt nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Trần Thị Kim H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Kim H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.642.850 đồng (Một triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm năm mươi đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 820.000 đồng (Tám trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0001054 ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Ngân hàng TMCP A được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà H được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T. Đồng Nai.
- VKSND H. Long Thành
-THA H. Long Thành.
- Các đương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Minh Thảo